

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2017

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Minh;
- Bà Dương Thị Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Bùi Thị Bích Thảo – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/ 2017/ TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Phương T, sinh ngày: 20/7/ 1995;

ĐKHKTT: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Dương Văn G, sinh ngày: 28/01/ 1986;

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị T và anh G đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017 gửi kèm các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự trình bày như sau:

1. Về yêu cầu ly hôn:

- Nguyên đơn chị Hà Thị Phương T trình bày: Chị với anh G đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện P ngày 16 tháng 02 năm 2016. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 2-3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trong

cuộc sống anh G còn có thái độ thờ ơ, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh G đã sống ly thân từ ngày 03/6/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương Văn G theo quy định pháp luật.

- *Bị đơn anh Dương Văn G trình bày:* Về việc kết hôn và thời điểm vợ chồng sống ly thân nhau như như chị T vừa trình bày trên là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống do tính cách và cách ứng xử với nhau không hòa hợp, hơn nữa trong cuộc sống cả hai bên không chịu nhường nhịn nhau nên vợ chồng thường xuyên xay ra cãi vã nhau. Trong các buổi hòa giải tại Tòa án anh vẫn có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để về nuôi dạy con cái, nhưng tại phiên tòa anh G cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T.

2. Về con chung:

- *Nguyên đơn chị T trình bày:* Chị và anh G có với nhau 01 con chung là cháu Dương Thị Thảo T, sinh ngày 10/9/2016, hiện cháu đang ở với anh G và ông bà nội. Chị xác định bản thân có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay chị làm công nhân công ty may TDT, có thu nhập bình quân 5-6 triệu đồng/ tháng. Vì vậy, khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu cấp anh G cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/ tháng.

- *Bị đơn anh G trình bày:* Hiện cháu T đang ở với anh, nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành. Anh G nhận thấy mình có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì hiện nay, tôi đang làm Quản lý sản xuất ở Công ty SAMJUVINA, thu nhập hàng tháng là 11-16 triệu đồng cao hơn nhiều so với chị T.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm về yêu cầu của mình như đã nêu trên. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Phương T và cho chị T được ly hôn anh Dương Văn G.

- Về con chung: Giao cháu Dương Thị Thảo T cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Chị T phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm, anh G phải chịu một khoản án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị Phương T và anh Dương Văn G đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 16/02/2016. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh G có nơi cư trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân và các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh G xảy ra mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn được một thời gian ngắn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng và không hòa hợp bởi nhau về quan điểm sống, anh G thiếu sự quan tâm đến vợ, con. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ 03/6/2017 đến nay, trong khoảng thời gian đó không ai có mong muốn để gia đình đoàn tụ và cố gắng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị giải quyết cho được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận và cho chị T được ly hôn anh G.

[2.2] Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh G có một con chung là cháu Dương Thị Thảo T, sinh ngày 10/9/2016.

Đối với yêu cầu của chị T về quyền nuôi con: Hiện nay, chị T làm công nhân có thu nhập lương bình quân hàng tháng là 05 triệu đến 06 triệu đồng. Hơn thế nữa, cháu Th hiện nay còn rất nhỏ, được hơn 12 tháng (dưới 36 tháng) nên cháu rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ hơn nên việc giao con cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho cháu được sống, học tập và phát triển bình thường và cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của

Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Dương Thị Thảo T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của anh G về quyền nuôi con: Anh G hiện nay tuy có công việc, thu nhập ổn định bình quân là 11-16 triệu một tháng nhưng thời gian đi làm nhiều, không đảm bảo việc chăm sóc, dạy dỗ con cái. Đồng thời, cháu T là con gái và còn rất nhỏ (dưới 36 tháng) nên Hội đồng xét xử nhận thấy nếu giao con cho anh G nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo về cho cháu được sống, học tập, phát triển bình thường vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh G.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị T xác định nếu được quyền nuôi con chị yêu cầu anh G cấp dưỡng mức 1.500.000 đồng/ tháng. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận và cùng là phù hợp với khả năng cấp dưỡng của anh G.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh G đều xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Phương T phải chịu một khoản án phí ly hôn sơ thẩm, anh Dương Văn G phải chịu một khoản án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị Phương T, cho chị Hà Thị Phương T được ly hôn Anh Dương Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Thảo T - Sinh ngày 10/9/2016 cho chị Hà Thị Phương T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động tự túc được hoặc có sự thay đổi khác.

- Về việc cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng Anh Dương Văn G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000đ/ tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng) cho chị T nuôi dưỡng cháu Dương Thị Thảo T, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh G không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh G được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000282 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình. Chị T đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Anh Dương Văn G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Diềm Thụy, H. Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

